

# Thực trạng phát triển năng lực xây dựng môi trường học tập cho sinh viên sư phạm Giáo dục tiểu học

Võ Thị Thủy\*

\*ThS. Trường Đại học Quy Nhơn

Received: 26/7/2023; Accepted: 28/7/2023; Published: 01/8/2023

**Abstract:** Developing the capacity to build a learning environment for pedagogical students Primary education is a very necessary issue today, in order to meet the professional requirements. The development of this capacity for students needs to be based on theoretical and practical issues appropriately to ensure effectiveness and feasibility. Through the survey of the actual situation, we have generalized the level of awareness, the level of implementation and the implementation paths to develop the capacity to build a learning environment for students of primary education pedagogy.

**Keywords:** Learning environment; Building learning environment; Developing the capacity to build a learning environment

## 1. Đặt vấn đề

Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) đổi mới cùng với sự đổi mới của xã hội, và sự đổi mới của người học đã đặt ra những yêu cầu mới về năng lực đối với người giáo viên (GV) nói chung và GV tiểu học nói riêng. Cùng với đó là sự biến đổi trong đào tạo sư phạm ở trường đại học, thực hiện theo hướng tiếp cận năng lực, tập trung hình thành, rèn luyện và phát triển hệ thống năng lực nghề nghiệp cốt lõi cho sinh viên sư phạm (SVSP), đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp sau khi ra trường. Nghiên cứu này tập trung vào tập trung vào phát triển một trong những năng lực đó: Phát triển năng lực (PTNL) xây dựng môi trường học tập (MTHT) cho SVSP Giáo dục tiểu học (GDTH). Trong khuôn khổ bài báo này, tác giả chỉ đề cập đến năng lực xây dựng MTHT trong lớp học cho học sinh tiểu học của SVSP GDTH và vấn đề phát triển năng lực này. Đối tượng SV tác giả tập trung PTNL là SVSP GDTH bậc đại học hệ đào tạo chính quy.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Một số khái niệm có liên quan

- Năng lực xây dựng môi trường học tập:

Nhiều tác giả đưa ra nhiều quan điểm về năng lực, tác giả sử dụng quan điểm về năng lực theo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năng lực được hiểu như sau: “Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tổ chức sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động

nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể”

- Môi trường học tập

Theo tác giả Angela Miller, Kathryn Cunningham: Môi trường lớp học bao gồm bối cảnh vật chất, môi trường tâm lý được tạo ra thông qua bối cảnh xã hội và nhiều thành phần giảng dạy liên quan đến đặc điểm và hành vi của giáo viên. Tác giả Vũ Thị Sơn cho rằng: MTHT là nơi mà các hoạt động học tập diễn ra, “là cái bên ngoài, là điều kiện cho việc tiến hành các thao tác, hành động học tập”.

Trên cơ sở phân tích các quan điểm, tác giả cho rằng: MTHT trong lớp học là nơi diễn ra hoạt động học tập, bao gồm sự tổng hòa của những yếu tố vô hình và hữu hình, những yếu tố thuộc về vật chất và những yếu tố phi vật chất thuộc về tinh thần, cảm xúc, cùng với mối quan hệ giữa chúng tạo nên sự tác động đến quá trình dạy và học của người dạy và người học.

- Năng lực xây dựng môi trường học tập

Từ những ý kiến đã trình bày về năng lực và MTHT ở trên, tác giả cho rằng năng lực xây dựng MTHT chính là tạo ra sự phù hợp về mọi mặt nhằm đảm bảo cho hoạt động học tập được diễn ra một cách hiệu quả nhất trong thực tiễn.

- Phát triển năng lực xây dựng môi trường học tập

Theo Đại từ điển Tiếng Việt, PT là biến đổi hoặc làm cho biến đổi theo chiều hướng tăng, từ ít đến nhiều, hẹp đến rộng, thấp đến cao, đơn giản đến phức tạp. Theo Từ điển Triết học: PT là một phạm trù dùng để khái quát quá trình vận động từ thấp tới

cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Theo Fran Emanuel Weinert: PT là sự trải qua, tăng trưởng hay lớn lên tự nhiên, phân hoá hoặc tiến hoá tự nhiên với những thay đổi liên tục kế tiếp nhau.

Từ nội hàm của những khái niệm PT ở trên, tác giả cho rằng PT năng lực nói chung là quá trình biến đổi các năng lực từ mức độ thấp đến mức độ cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện làm cho việc giải quyết vấn đề hay hoạt động liên quan trở nên có hiệu quả.

*PT NL XD MTHT chính là hoạt động có chủ đích nhằm trang bị, mở rộng, củng cố kiến thức về MTHT, XD MTHT, trên cơ sở đó bồi dưỡng thái độ phù hợp và rèn luyện hệ thống kỹ năng tương ứng để tạo ra sự biến đổi tích cực trong NL XD MTHT.*

## **2.2. Thành phần cấu trúc của năng lực xây dựng môi trường học tập**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về MTHT và năng lực, tác giả xác định cấu trúc của năng lực XD MTHT bao gồm các năng lực thành phần sau, trong mỗi NL được thể hiện bằng các tiêu chí (TC):

### **2.2.1. Năng lực xây dựng môi trường tâm lý**

TC 1: Xây dựng được các mối quan hệ trong lớp học liên quan đến hoạt động học tập

TC 2: Xây dựng hệ thống nội quy, kỉ luật và giá trị văn hóa trong lớp học

TC 3: Tạo động lực, hứng thú đối với hoạt động dạy và học

TC 4: Lựa chọn và thực hiện hình thức tổ chức, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả dạy học

TC 5: Xây dựng thành phần, quy mô và cơ cấu lớp học

### **2.2.2. Năng lực xây dựng môi trường vật chất**

TC 6: Tạo không gian phù hợp

TC 7: Lựa chọn, sử dụng phương tiện dạy học trực quan và thiết bị hỗ trợ hoạt động dạy và học

TC 8: Chuẩn bị nội dung và tài liệu học tập

## **2.3. Thực trạng về việc PT năng lực XD MTHT CHO SV SP GDTH**

### **2.3.1. Khái quát về quá trình khảo sát**

- Mục đích, đối tượng và địa bàn khảo sát: nhằm tìm hiểu thực trạng và làm cơ sở cho việc nghiên cứu đề xuất các biện pháp PT NL XD MTHT cho SV SP GDTH. Đối tượng khảo sát là 126 GV tham gia giảng dạy cho ngành SP GDTH và 474 SV SP GDTH ở 3 trường đại học có đào tạo ngành SP GDTH: trường Đại học Quy Nhơn, Trường Đại học Tây Nguyên và Trường Đại học Khánh Hòa.

- Phương pháp khảo sát: Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

- Nội dung khảo sát: Nhận thức về mức độ đạt được trong năng lực XD MTHT của SV SP GDTH; Nhận thức về nội dung PT NL XD MTHT; Mức độ thực hiện các nội dung PT NL XD MTHT; Những con đường PT NL XD MTHT cho SV SP GDTH.

### **- Thang đánh giá**

Các dữ kiện của toàn thang đo sử dụng thang điểm với 5 mức độ và quy ước điểm theo các mức: Mức 1 (1 điểm): Yếu; Mức 2 (2 điểm): Trung bình; Mức 3 (3 điểm): Khá; Mức 4 (4 điểm): tốt; Mức 5 (5 điểm): Xuất sắc. Điểm tối đa của thang đo là 5 (max) và điểm tối thiểu là 1 (min). Do vậy, điểm trung bình giữa các mức của thang đo là 0,8. Từ đó, chúng tôi quy mức độ đánh giá như sau: Mức 1: Điểm trung bình từ:  $1 < \bar{X} < 1.8$ ; Mức 2: Điểm trung bình từ:  $1.81 < \bar{X} < 2.60$ ; Mức 3: Điểm trung bình từ:  $2.61 < \bar{X} < 3.4$ ; Mức 4: Điểm trung bình từ:  $3.41 < \bar{X} < 4.20$ ; Mức 5: Điểm trung bình từ:  $4.21 < \bar{X} < 5.0$ .

### **2.3.2. Kết quả khảo sát**

- Về nhận thức đối với mức độ đạt được trong năng lực XD MTHT của SV SP GDTH:

Kết quả nhận thức về mức độ đạt được trong năng lực XD MTHT của SV SP GDTH theo SV tự đánh giá và GV đánh giá là ở mức tốt với điểm trung bình chung là SV: 3.4 và GV: 3.2. Trong đó, tất cả các tiêu chí GV hầu hết đều có mức đánh giá thấp hơn kết quả tự đánh giá của SV (trừ TC 4). Một số tiêu chí GV và SV tiệm cận sát nhau về kết quả đánh giá trung bình chung như: TC 1 (GV: 2.93 và SV: 3.3); TC 2 (GV: 3.25 và SV: 3.32); TC 4 (GV: 3.43 và SV: 3.42); TC 6 (GV: 3.32, SV: 3.4) và TC 7 (GV: 3.44, SV: 3.46). Những tiêu chí còn lại GV đánh giá thấp hơn rõ rệt so với kết quả tự đánh giá của SV, gồm: TC 3 (GV: 2.81 và SV: 3.36); TC 5 (GV: 3.17 và SV: 3.47) và TC 8 (GV: 3.22 và SV: 3.44). Vấn đề đánh giá về kết quả giữa SV và GV ngoài dựa vào các mức độ được XD đã đề cập ở phần mô tả thì còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như phương pháp, điều kiện đánh giá của mỗi bên, do đó việc dẫn đến sự chênh lệch trong một mức độ cho phép là điều hoàn toàn có thể chấp nhận.

- Về nhận thức đối với các nội dung PT NL XD MTHT:

Mức độ nhận thức về nội dung PT NL XD MTHT cho SV SP GDTH được đánh giá thông qua giá trị trung bình của các tiêu chí. Dữ liệu thu được cho thấy nội dung PT NL XD MTHT cho SV được nhận thức ở mức độ tốt. Minh chứng là giá trị trung bình

của các tiêu chí đều nằm trong khoảng từ 3.41 - 4.2 theo thang đánh giá được sử dụng, mức trung bình chung là 3.74. Các nội dung cần PT cho SV trong NL XD MTHT thể hiện thông qua các tiêu chí khá đồng đều nhau, tỉ lệ chênh lệch rất thấp. Trong đó nội dung PT của TC 4 được nhận thức tốt nhất với giá trị trung bình là 3.84 và nội dung PT của TC 1 được nhận thức yếu nhất với giá trị trung bình là 3.52. So sánh giữa hai NL thành phần là NL XD MTTL và NL XD MTVC cho thấy mức độ nhận thức không chênh lệch đáng kể. NL XD MTTL được nhận thức với mức trung bình là 3.72 và NLXD MTVC có mức nhận thức trung bình là 3.78.

- Về mức độ thực hiện các nội dung PT NL XD MTHT:

Mức trung bình chung trong các tiêu chí được thực hiện trên thực tế dao động từ 3.25 đến 3.69, trải dài từ ngưỡng sau của mức thực hiện thỉnh thoảng thực hiện tương đương với khá đến ngưỡng đầu của mức thực hiện thường xuyên tương đương với tốt. Mức giá trị trung bình chung tổng thể là 3.44, đạt mức độ tốt theo thang đánh giá được đề xuất sử dụng. Trong đó, mức độ thực hiện các nội dung PT NL XD MTTL đạt mức trung bình chung là 3.39 - là mức thỉnh thoảng thực hiện (khá) tiệm cận với mức thực hiện thường xuyên (tốt), thấp hơn so với mức độ thực hiện các nội dung PT NL XD MTVC với giá trị trung bình chung là 3.53 - đạt mức thường xuyên. Ba tiêu chí được thực hiện PT ở mức độ cao (mức độ thực hiện thường xuyên - tốt) bao gồm: TC 4; TC 7 và TC 8, với mức giá trị trung bình lần lượt là 3.65, 3.68 và 3.69. Các mức độ thực hiện khá đồng đều nhau giữa ba tiêu chí này. Tuy nhiên cả ba tiêu chí chỉ đạt ngưỡng đầu của mức độ thực hiện thường xuyên - tốt (mức tốt có giá trị trung bình từ 3.41 đến 4.2). Ngoài ra có các tiêu chí còn lại được thực hiện với mức độ thấp hơn (mức độ thỉnh thoảng thực hiện - khá) và cũng khá đồng đều nhau với mức giá trị trung bình dao động từ đến 3.25 đến 3.35, đây là ngưỡng sau của mức độ thỉnh thoảng thực hiện - khá (mức độ thỉnh thoảng thực hiện có giá trị trung bình từ 2.61 đến 3.4).

- Về những con đường PT NL XD MTHT cho SV SP GDTH:

Kết quả khảo sát cho thấy việc PT NL XD MTHT cho SV SP GDTH được thực hiện thông qua nhiều con đường giáo dục cũng ở mức rất cao. Kết quả thể hiện thông qua các con đường với mức trung bình chung là 3.63 - mức tốt. Các con đường sử dụng được đưa ra gợi ý trả lời như qua dạy học, qua hoạt

động giáo dục trong nhà trường, qua thực hành, thực tế, qua rèn luyện nghiệp vụ SP, ... đều được đồng tình với tỉ lệ cao, dao động từ mức 3.18 đến 3.98, trải dài từ khá đến tốt. Trong đó chỉ duy nhất con đường: Thông qua hoạt động xã hội trong và ngoài nhà trường liên quan đến hoạt động học tập được lựa chọn ở mức độ khá là 3.18. Con đường giáo dục có mức độ lựa chọn cao nhất là: Thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ SP thường xuyên.

### 2.3.3. Đánh giá chung

Qua các phương pháp và nội dung khảo sát thực trạng được triển khai và thu nhận kết quả đã góp phần làm sáng tỏ các vấn đề thực tiễn liên quan đến việc PT NL XD MTHT cho SV SP GDTH. Một số kết quả mang tính tính cực qua khảo sát thực trạng như sau: Nhận thức của GV và SV về các vấn đề liên quan đến NL XD MTHT, PT NL XD MTHT cho SV SP GDTH được thể hiện ở mức cao và khá đồng đều giữa các nhóm đối tượng và các nội dung nhận thức. Việc thực hiện PT NL XD MTHT cho SV SP GDTH được thực hiện trên thực tế đồng đều ở các mặt kiến thức, kĩ năng và thái độ.

Mặc dù mức độ nhận thức về các nội dung cần PT trong năng lực XD MTHT tốt nhưng việc thực hiện chưa tương ứng với mức độ nhận thức đó. Mức độ thực hiện thấp hơn và cũng chưa gắn với năng lực vốn có trên thực tế của SV.

## 3. Kết luận

Phát triển NL XD MTHT cho SV SP GDTH hiện nay là điều cần thiết. Về mặt thực tiễn, qua khảo sát đã cho thấy nhận thức của GV, SV về các vấn đề liên quan đến PT NL XD MTHT cho SV SP GDTH ở mức độ tốt. Vấn đề thực hiện PT NL này trên thực tế đã được thực hiện với mức độ thường xuyên. Kết quả này đã góp phần đặt ra những lưu ý, xác định những yêu cầu cần thay đổi và hoàn thiện trong đào tạo SP GDTH nói chung và phát triển năng lực XD MTHT cho SV SP GDTH nói riêng.

## Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT* ngày 22/8/2018 quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. Hà Nội
2. Vũ Thị Sơn (2004); *Môi trường học tập trong lớp học* - Tạp chí Giáo dục, số 102/2004, tr14-15. Hà Nội
3. Nguyễn Như Ý (1999), Đại từ điển Tiếng Việt, NXB Văn hóa Thông tin. Hà Nội